

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2023/DS-PT
Ngày: 29-9-2023
V/v Yêu cầu bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do
sức khỏe bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thịnh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Liên

Bà Phan Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Ông Nguyễn Quang Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 49/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Q, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thành Q1 - Văn phòng L2 và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: Số H T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Tô Thị C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Phạm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Q trình bày:

Vào chiều ngày 24/11/2019, vợ chồng ông về thăm cha vợ. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, chị vợ ông là bà Tô Thị L và ông Phạm Văn T có xảy ra cãi nhau. Bà L sau đó vào nhà cha vợ ông để gọi vợ ông ra. Một lúc sau, ông và anh Tô L1 chạy ra nhà bà L xem thử thì bị ông Phạm Văn T lấy cây đánh vào đầu, ông bị thương nặng và đưa đi cấp cứu. Sau đó, Công an huyện Q đưa ông đi giám định thương tích, kết quả giám định là tỷ lệ 08%. Sau khi làm việc tại Công an huyện Q, ông không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với ông T. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo các hóa đơn, chứng từ ông đã cung cấp, cụ thể như sau:

- Chi phí điều trị tại phòng khám Đ1: 203.976 đồng.
 - Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đ2: 1.016.888 đồng.
 - Tiền xe đi cấp cứu là: 650.000 đồng.
 - Tiền ngày công lao động bị mất khi nằm bệnh viện: 03 ngày x 400.000 đồng/ngày = 1.200.000 đồng.
 - Tiền ngày công lao động trong 02 tháng không đi làm: 60 ngày x 300.000 đồng/ngày = 18.000.000 đồng.
 - Tiền tổn thất tinh thần: 5.000.000 đồng.
 - Tiền công lao động bị mất của người nuôi tại bệnh viện: 03 ngày x 200.000 đồng = 600.000 đồng.
 - Tiền thuốc mua tại nhà thuốc H: 444.700 đồng.
- Tổng số tiền ông yêu cầu ông T phải bồi thường là 27.115.564 đồng.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Trong vụ án, bị đơn chỉ phòng vệ, bảo vệ gia đình. Thực tế là anh chị em ông Q đến nhà bị đơn với số đông người để tạo áp lực về tinh thần, kéo bà T1 ra đánh. Ông T không cầm cây xông ra ngoài đường để đánh ông Q mà ông Q xông vào nhà, xô xát với ông T. Qua giằng co, ông T quơ cây trúng đầu ông Q. Bị đơn không có lỗi, lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 585 Bộ luật Dân sự bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị C thống nhất như lời trình bày của ông Võ Q.

Người làm chứng bà Trần Thị T2 và ông Phạm Như M trình bày: không thấy sự việc xô xát giữa ông T với ông Q.

Người làm chứng bà Phạm Thị Như T3 trình bày: Bà là người quay clip sự việc diễn ra. Lúc đó, ông T thấy bà T2 bị đánh nên cầm cây, ông L1 có chỉ trích bới đòi xông vô đánh ông T và thấy bà quay clip nên cũng đòi xông vô, ông Q đứng sau ông L1. Ông L1 có giằng co qua lại với ông T. Bà hoảng loạn lo ôm ba, không nhớ là ông Q có đánh ông T hay không.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự; Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Q, buộc ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Võ Q số tiền 16.915.564 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2023, bị đơn ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Võ Q không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Phạm Văn T không rút đơn kháng cáo mà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T thì thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do có mâu thuẫn từ trước nên vào khoảng 18 giờ ngày 24/11/2019, giữa hai gia đình ông Phạm Văn T, bà Trần Thị T2 với bà Tô Thị L đã xảy ra xô xát trước nhà ông T. Ông T đã có hành vi dùng cây thước nhôm dài khoảng 1,6m đánh vào vùng đầu của ông Võ Q gây thương tích với tỷ lệ là 08%. Sau đó, ông Q không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, nên Cơ quan điều tra Công an huyện Q đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc trên và đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn T về hành vi “*xâm hại đến sức khỏe người khác*”. Ngoài ra, ông T thừa nhận có hành vi dùng thước nhôm đánh vào đầu của ông Võ Q.

Thời điểm ông Q xông vào ông T là sau khi ông T đã cầm cây thước làm hồ, ông Q không mang theo vật gì có thể gây tổn thương cho ông T. Ông Q chưa có hành vi đánh ông T và thực tế ông T không bị thương tích gì. Vì vậy, hành vi của ông T không phải là phòng vệ chính đáng. Do ông T có lỗi gây ra thiệt hại về sức khỏe, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc buộc ông T bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, việc ông Võ Q có hành vi đến nhà ông Phạm Văn T sau khi bà Trần Thị T2 (*vợ ông Phạm Văn T*) bị bà Tô Thị L và bà Tô Thị P kéo bà T2 từ nhà bà T2 ra đường Đ để đánh. Ông Q cũng có hành vi xông vào ông Phạm Văn T, ngăn cản không cho ông T ngăn cản việc vợ ông bị bà L, bà P đánh nên ông T mới có hành vi vi phạm. Hành vi của ông T xuất phát từ việc lo sợ bị nhiều người đánh như bà T2 và nhằm mục đích bảo vệ bà T2 cùng gia đình. Việc gây thương tích của ông T cũng có một phần lỗi của ông Q nên hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T.

Xét các khoản chi phí mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T phải bồi thường cho ông Q gồm:

- Về chi phí khám bệnh tại Phòng khám Đ1 và tại Bệnh viện Đ2 là 1.220.864 đồng;
- Về chi phí di chuyển, cấp cứu là 650.000 đồng;
- Về tiền ngày công lao động của ông Q bị mất khi nằm bệnh viện là: 3 ngày x 400.000 đồng/ngày = 1.200.000 đồng;
- Về tiền ngày công lao động của ông Q trong thời gian không thể đi làm là: 26 ngày x 300.000 đồng/ngày = 7.800.000 đồng.
- Về bồi thường tổn thất về tinh thần: Thương tích của ông Q là do ông T gây ra, vì vậy ông T có nghĩa vụ bồi thường tổn thất tinh thần cho ông Q theo quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự với số tiền 5.000.000 đồng theo tỷ lệ tổn thương cơ thể (08%) là phù hợp;
- Về tiền công lao động bị mất của người nuôi tại bệnh viện: theo kết quả xác minh lương tháng 09, 10, 11/2019 của bà C lần lượt là 5.154.031 đồng,

6.039.081 đồng, 4.447.046 đồng. Bà C làm công nhân tại công ty G, bà trình bày do làm việc ăn theo sản phẩm, phải nghỉ việc nuôi ông Q nên lương tháng 11 không có tiền chuyên cần, không đảm bảo sản phẩm... Lời trình bày của bà C phù hợp với phiếu thanh toán tiền lương tháng 10, 11/2019 mà ông Q cung cấp. Do đó, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền công lao động bị mất của người nuôi là 600.000 đồng.

- Theo đơn thuốc của Bệnh viện Đ2, ông Q mua thuốc theo hóa đơn bán hàng số 0008272 ngày 28/11/2019 của nhà thuốc Hồng Đ nên chấp nhận số tiền mua thuốc là 444.700 đồng.

Đây là các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa bệnh nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông T phải bồi thường cho ông Q với số tiền 16.915.564 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Như đã phân tích ở trên, chi phí bồi thường được chấp nhận 16.915.564 đồng, ông L1 phải chịu 30% là 5.074.669 đồng, số tiền còn lại là: (16.915.564 đồng - 5.074.669 đồng) = 11.840.900 đồng buộc ông T phải bồi thường cho ông Q. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị đơn ông Phạm Văn T không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Cụ thể ông Phạm Văn T phải chịu 592.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ các điều 26, 35, 37, 39, 92, 147, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật dân sự; Điều 7 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Q về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm*” đối với ông Phạm Văn T.

Ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Võ Q với số tiền là 11.840.900 đồng (*Mười một triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, chín trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Văn T phải chịu là 592.000 đồng (*Năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn T không phải chịu, hoàn lại cho ông Phạm Văn T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012318 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hữu Thịnh